

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST

Ngày: 01 - 3 - 2021

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H , TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Mỹ Lệ

*Các hội thẩm nhân dân :*

1. Ông Đoàn Hùng Tự

2. Bà Khuất Thị Toàn

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký viên TAND thành phố H, tỉnh Hà Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2020/TLST-DSTC ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐ-ST, ngày 01 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức N - Giám đốc Chi nhánh Hà Giang. Địa chỉ: Tổ 13 phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Đức N1 - Phó giám đốc kiêm trưởng phòng khách hàng Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang (*Quyết định v/v uỷ quyền tham gia tố tụng và tham gia thi hành án dân sự số 1287/2020/QĐ-LPBHG-GĐ ngày 19/10/2020 của Giám đốc Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang*), có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Thanh N, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn T, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Nơi công tác: Ban chỉ huy quân sự huyện Q, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Lệ T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn T, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo đơn khởi kiện; Bản tự khai và quá trình giải quyết, đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 27 tháng 5 năm 2016 Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh tỉnh Hà Giang (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã ký Hợp đồng tín dụng số 929/TDH/2016 với ông Trần Thanh N để cho ông N vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), **mục đích vay để mua sắm đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, thời hạn cho vay là 60 tháng, không có tài sản bảo đảm, có người cam kết đồng trách nhiệm trả nợ, lãi suất cho vay do hai bên thỏa thuận là 10,25%/năm, từ tháng thứ 04 trở đi định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần.** Phương thức trả nợ gốc và lãi: Trả gốc cố định, lãi theo dư nợ thực tế, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc trả đều hàng tháng là 60 kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ hạn trả lãi: Trả vào 25 hàng tháng, theo dư nợ gốc giảm dần. Căn cứ vào việc xác nhận của lãnh đạo đơn vị nơi ông Trần Thanh N đang công tác; Giấy uỷ quyền cho cơ quan giữ lại thu nhập để trả nợ; Cam kết đồng trách nhiệm trả nợ có chữ ký của bà Phạm Lệ T ngày 27/5/2016 cùng với các thủ tục vay vốn của ông Trần Thanh N, cùng ngày 27/5/2016 Ngân hàng đã giải ngân cho ông Trần Thanh N vay số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Sau khi nhận khoản tiền vay của Ngân hàng, thời gian đầu ông N, bà T đã thực hiện việc trả nợ đúng theo thỏa thuận, số tiền gốc ông N đã trả là 165.000.000đ. Đến kỳ trả nợ **tháng 11 năm 2017** ông N không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi theo cam kết với ngân hàng, đã để phát sinh nợ quá hạn, số tiền nợ gốc còn lại là 135.000.000đ. Ông N, bà T đã vi phạm các thỏa thuận, cam kết hợp đồng đã ký với ngân hàng và có dấu hiệu trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã tiến hành làm việc với lãnh đạo đơn vị nơi ông N công tác được biết ông N đã được xuất ngũ và bỏ trốn khỏi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ nơi ở mới cho đơn vị cũng như cho Ngân hàng được biết, khi ông N xuất ngũ Ban chỉ huy quân sự huyện Q có báo cho ngân hàng được biết và đơn vị đã thu cho ngân hàng được một phần trong tổng số tiền chi trả cho ông N vì ông N nợ rất nhiều nơi. Tổng số tiền nợ cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 12/10/2020 ông N, bà T còn nợ ngân hàng là 175.752.342đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó: Dư nợ gốc là 135.000.000đ, lãi quá hạn là 40.752.342đ.

Ngân hàng đã nhiều lần gửi giấy mời, thông báo mời ông N đến trụ sở ngân hàng để làm việc đồng thời gửi thông báo về việc chuyển nợ quá hạn nhưng ông N đều không hợp tác, không đến làm việc theo yêu cầu của Ngân hàng và hiện nay đã bỏ đi khỏi nơi cư trú không thông báo địa chỉ nơi ở mới cho Ngân hàng được biết.

Do vi phạm hợp đồng và để phát sinh nợ quá hạn ngân hàng đã có Quyết định thu hồi trước hạn toàn bộ khoản vay, ngày 12/10/2020 ngân hàng đã gửi Thông báo v/v thu hồi nợ trước hạn, khi biết thông tin ông N cũng không có ý kiến phản hồi, **cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.**

Tại phiên toà đại diện nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Phạm Lệ T lý do hiện nay bà T không có mặt tại nơi cư trú, ngân hàng không làm việc được với bà T nên không yêu cầu bà T phải chịu trách nhiệm trả nợ cùng ông N. Nay chỉ đề nghị Toà án giải quyết buộc ông Trần Thanh N phải có

nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử 01/3/2021 là 177.333.341,đ (Một trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi một đồng), trong đó: Nợ gốc là 135.000.000,đ (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng); Lãi là 42.333.441,đ (Bốn mươi hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi một đồng) và các khoản lãi tiếp tục phát sinh theo quy định của pháp luật cho đến khi ông N trả xong khoản nợ. Không yêu cầu bà T phải liên đới trả số tiền vay của ông N đối với ngân hàng.

\* Bị đơn ông Trần Thanh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Lê T: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập ông N, bà T đến Tòa án để giải quyết vụ án theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhưng ông N, bà T đều không có mặt, không có lý do. Qua xác minh ngày 02/11/2020 đại diện Ban chỉ huy quân sự huyện Q cung cấp: Ông Nguyễn Thanh N đã xuất ngũ theo Quyết định số 3586/QĐ-BTM ngày 25/9/2017 của Bộ tư lệnh quân khu 2. Theo Quyết định xuất ngũ thì ông N về nơi cư trú tại thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang và hiện nay ông N không còn chế độ gì tại đơn vị. Xác minh trưởng Thôn T, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang cung cấp: Ông Nguyễn Thanh N và bà Phạm Lê T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, thị trấn V, huyện B. Tuy nhiên ông N, bà T đã bỏ đi khỏi nơi cư trú nhưng không thông báo cho thôn và chính quyền xã được biết. Hiện nay ông N, bà T làm gì, ở đâu thôn và xã không nắm được nhưng ông, bà vẫn có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, thị trấn V, huyện B là đúng.

Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào các ngày 16/12/2020 và 31/12/2020, tuy nhiên ông Trần Thanh N, bà Phạm Lê T đều vắng mặt không có lý do nên Toà án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không hoà giải vụ án được.

\* Ý kiến của đại diện VKSND thành phố H:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do nguyên đơn cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật, đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 - BLTTDS. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, Điều 72 - BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn có ý kiến v/v rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà

Phạm Lệ T, giữ nguyên yêu cầu buộc ông Trần Thanh N phải có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng đối với bà T là tự nguyện, yêu cầu ông N phải có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với các quy định của pháp luật và phù hợp với các thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng, vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận. **Căn cứ vào Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 471, 473, 474, 476 BLDS năm 2005; điểm a khoản 1 Điều 688 của BLDS năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng về việc yêu cầu bà Phạm Lệ T phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ; Buộc ông Trần Thanh N phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 177.333.341,đ và các khoản lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi ông N trả hết nợ.**

- Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc ông N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang. Địa chỉ: Tổ 13, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Trần Thanh N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Lệ T. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bị đơn ông Trần Thanh N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Lệ T đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không có mặt tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp, không thông báo địa chỉ nơi ở mới cho ngân hàng biết được coi là cố tình che dấu địa chỉ và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Tòa án nhân dân thành phố H đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo quy định chung. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông N và bà T là có căn cứ.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang đồng ý cho ông Trần Thanh N vay số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*), mục đích vay để mua sắm vật dụng sinh hoạt trong gia đình, thời hạn cho vay là 60 tháng, không có tài sản bảo đảm, ông N cam kết trích trả bằng tiền lương và thu nhập hàng tháng nhưng không thực hiện đúng cam kết về nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy, xác định tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng Tín dụng (*Hợp đồng dân sự*) được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015.

[4] Về nội dung: Ngày 27 tháng 5 năm 2016 Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh tỉnh Hà Giang đã ký Hợp đồng tín dụng số 929/TDH/2016 với ông Trần Thanh N để cho ông vay số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*), mục đích vay để mua sắm đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, thời hạn cho vay là 60 tháng, không có tài sản bảo đảm, có người cam kết đồng trách nhiệm trả nợ, lãi suất cho vay do hai bên thoả thuận là 10,25%/năm, từ tháng thứ 04 trở đi định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần. Phương thức trả nợ gốc và lãi: Trả gốc cố định, lãi theo dư nợ thực tế, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc trả đều hàng tháng là 60 kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ hạn trả lãi: Trả vào 25 hàng tháng, theo dư nợ gốc giảm dần. Căn cứ vào việc xác nhận của lãnh đạo đơn vị nơi ông Trần Thanh N đang công tác; Giấy uỷ quyền cho cơ quan giữ lại thu nhập để trả nợ; Cam kết đồng trách nhiệm trả nợ có chữ ký của bà Phạm Lệ T, cùng với các thủ tục vay vốn của ông Trần Thanh N. Ngày 27/5/2016 Ngân hàng đã giải ngân cho ông Trần Thanh N vay số tiền 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) là đúng thực tế.

[5] Quá trình thực hiện hợp đồng ông N đã vi phạm cam kết về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng và để phát sinh nợ quá hạn. Xác định thời điểm vi phạm hợp đồng, để phát sinh nợ quá hạn với ngân hàng của ông N bắt đầu từ tháng 11/2017. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông N trả nợ và thực hiện nhiều biện pháp để xử lý, thu hồi nợ nhưng ông N đã xin xuất ngũ mà không thông báo trước cho ngân hàng như đã thoả thuận; Không thực hiện việc trả nợ cho ngân hàng và vi phạm các nội dung thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng. Do đó có căn cứ để buộc ông Trần Thanh N phải có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày xét xử 01/3/2021 là 177.333.341,đ (*Một trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi một đồng*), trong đó: Nợ gốc là 135.000.000,đ (*Một trăm ba mươi lăm triệu đồng*); Lãi quá hạn là 42.333.441,đ (*Bốn mươi hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi một đồng*) và các khoản lãi tiếp tục phát sinh theo quy định của pháp luật cho đến khi ông N trả xong các khoản nợ cho ngân hàng.

[6] Đối với bà Phạm Lệ T: Tại Bản cam kết đồng trách nhiệm trả nợ ngày 27/5/2016 có chữ ký của bà Phạm Lệ T, theo đơn khởi kiện ngân hàng có yêu cầu buộc bà T phải liên đới chịu trách nhiệm trả khoản nợ cùng ông N. Tuy nhiên tại phiên toà ngân hàng tự nguyện rút yêu cầu buộc bà T phải có trách nhiệm liên đới cùng ông N trả nợ cho ngân hàng vì lý do người trực tiếp ký hợp đồng tín dụng cho toàn bộ khoản vay là ông N, bà T hiện nay không có mặt ở nơi cư trú, ngân hàng cũng không làm việc được với bà T nên không đề nghị bà T phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Xét thấy đề nghị của ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, đại diện VKSND thành phố có ý kiến đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, do đó cần chấp nhận. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 BLTTDS đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Phạm Lệ T liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cùng ông N là có căn cứ.

[7] Buộc ông N phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ số tiền gốc và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng và các khoản lãi tiếp tục phát sinh cho đến khi trả xong

toàn bộ các khoản nợ là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại **Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 474, Điều 476** của Bộ luật dân sự năm 2005.

[8] Ông Trần Thanh N cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên không đưa ra được quan điểm, yêu cầu của mình. Do đó HĐXX không có căn cứ để xem xét. Ông N có quyền khởi kiện bà Phạm Lệ T yêu cầu hoàn trả số tiền cho mình theo bản cam kết đồng trách nhiệm trả nợ bằng một vụ kiện khác nếu có căn cứ.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; điểm b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Buộc ông Trần Thanh Nam phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật, trả lại cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Các Điều 471, 473, 474, 476 BLDS năm 2005; điểm a khoản 1 Điều 688 BLDS năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ý b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án (*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016*).

**Xử:**

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh tỉnh Hà Giang về việc buộc bà Phạm Lệ T phải liên đới chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ gốc và lãi cho ngân hàng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh tỉnh Hà Giang: Buộc ông Trần Thanh N phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh tỉnh Hà Giang, tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử 01/3/2021 là 177.333.341,đ (*Một trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi một đồng*), trong đó: Nợ gốc là 135.000.000,đ (*Một trăm ba mươi lăm triệu đồng*); Lãi quá hạn là 42.333.441,đ (*Bốn mươi hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi một đồng*).

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.*

3. Về án phí: Ông Trần Thanh N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.866.000,đ (*Tám triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang số tiền tạm ứng án phí 5.069.000đ (*Năm triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số 0002331 ngày 29/10/2020 (*Nguyễn Thanh Bình nộp thay*).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.*

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Trần Thanh N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Lệ T (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh HG.
- VKSND thành phố H;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Lưu HS - BP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Mỹ Lệ**